

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG DANH TỪ RIÊNG CỦA NGUYỄN TRÃI TRONG TÁC PHẨM BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

TRƯƠNG XUÂN TIỂU
(TS, Khoa Ngữ văn, Đại học Vinh)

1. *Bình Ngô đại cáo* là kiệt tác văn học chính luận viết bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi (1380 - 1442); nhà văn kiệt xuất của văn học trung đại Việt Nam đầu thế kỉ XV. Từ lúc công bố [20, tr 236 và tr 266] đến nay, *Bình Ngô đại cáo* luôn luôn được bạn đọc Việt Nam trân trọng tìm hiểu; hiện tại được dùng để dạy - học trong nhà trường; và đồng thời đã trở thành một đối tượng thường xuyên được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Một trong những phương tiện ngôn từ nghệ thuật làm nên giá trị thẩm mĩ của áng “thiên cổ hùng văn” ấy là những danh từ riêng được Nguyễn Trãi sử dụng để diễn đạt nội dung tác phẩm. Tuy vậy, khi đề cập đến vấn đề này, các nhà khoa học chỉ mới dừng lại ở việc thống kê và giải thích tóm tắt một số nhân danh, địa danh có trong *Bình Ngô đại cáo* [6, tr 223 - 241], [8, tr 16 - 26], [9, tr 136 - 163], [10, tr 115 - 123], [11, tr 45 - 63], [12, tr 249 - 257], [13, tr 286 - 300], [14, tr 218 - 222], [15, tr 91 - 110], [16, tr 125 - 139], [17, tr 290 - 295], [18, tr 95 - 110], [19, tr 350 - 365], [20, tr 236 - 336].

Nhằm nêu rõ tất cả những danh từ riêng đã được Nguyễn Trãi sử dụng khi viết bài cáo, và qua đó, nêu bật nghệ thuật dùng danh từ riêng trong từng đoạn văn ở bài cáo của tác giả, chúng tôi tập trung nghiên cứu về vấn đề này trên tinh thần tiếp tục phát huy thành tựu khoa học của những người đi trước.

2. Khái niệm “danh từ riêng”

Theo quan niệm của một số nhà ngôn ngữ học Việt Nam thì:

“Danh từ riêng là danh từ dùng làm tên riêng để gọi tên từng sự vật, đối tượng riêng lẻ” [21, tr. 242].

“Danh từ riêng là danh từ có các thuộc tính của tên riêng; danh từ dùng để định danh những sự vật riêng lẻ, được tách ra từ lớp các sự vật cùng loại” [22, tr. 70].

“Bất kì đó là nhân danh hay địa danh, tên sách báo hay tên gọi tổ chức, tên gọi thời đại, danh từ riêng bao giờ cũng có đặc điểm là chỉ dùng để gọi tên của một sự vật duy nhất, cá biệt” [Nguyễn Tài Cẩn - *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại* - Nxb KHXH - H. - 1975 - tr. 80; dẫn theo Nguyễn Như Ý - *Sđd.* - tr. 70].

“Danh từ riêng là lớp danh từ dùng làm tên gọi cho các sự vật, hiện tượng cá biệt, thường có tính duy nhất. Danh từ riêng thường được dùng làm tên người (nhân danh), tên các vùng đất (địa danh)... Danh từ riêng thường không kết hợp được với chỉ định từ *này, kia...* ở phía sau, và số đếm ở phía trước” [1, tr. 316].

3. Thống kê, phân loại danh từ riêng trong *Bình Ngô đại cáo*

Trong tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi có 7 kiểu danh từ riêng:

3.1. *Danh từ riêng chỉ tên một người, hoặc tên một cộng đồng người (nhân danh):*
Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã, Trần

Trí, Sơn Thọ, Lý An, Phương Chính, Trần Hiệp, Lý Lượng, Vương Thông, Mã Anh, Thanh, Thăng, Liễu Thăng, Mộc Thạnh, Liễu Thăng, Lương Minh, Lý Khánh, Thôi Tự, Hoàng Phúc, quân Vân Nam, Thăng, quân Mộc Thạnh, Mã Kỳ, Phương Chính, Vương Thông, Mã Anh (trong đó Phương Chính được viết 2 lần, Vương Thông được viết 2 lần, Mã Anh được viết 2 lần, Mộc Thạnh được viết 3 lần, Liễu Thăng được viết 5 lần; nhằm chỉ tên những trọng tướng của giặc Minh sau quá trình tham chiến xâm lược Việt Nam đều đã trở thành những bại tướng: hoặc tử trận, hoặc chạy trốn, hoặc đầu hàng).

3.2. *Danh từ riêng chỉ tên một vùng đất (địa danh):* Bắc [20, tr. 241], Nam [20, tr. 241], Hàm Tử, Bạch Đằng, Nam sơn, Đông hải, Lam Sơn, Linh Sơn, Khôi Huyện, Bồ Đằng, Trà Lân, Tây Kinh, Đông Đô, Ninh Kiều, Tốt Động, Khâu Ôn, Vân Nam, Chi Lăng, Mã Yên, Lạng Giang, Lạng Sơn, Xương Giang, Bình Than, Lê Hoa, Cồn Trạm, Lãnh Cầu, Đan Xá.

3.3. *Danh từ riêng chỉ tên một nước (quốc hiệu), tên một triều đại phong kiến, tên một niên hiệu nhà vua:* Ngô [13, tr. 288]; [16, tr. 125], Đại Việt, Triệu, Đinh, Lý, Trần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Hồ, Minh, Tuyên Đức [4, tr. 263]; [9, tr. 157], [18, tr 94 - 95 và tr 104].

3.4. *Danh từ riêng chỉ tên thời gian cụ thể (năm âm lịch):* Đinh Mùi (tức là năm 1427 dương lịch) [18, tr 104].

3.5. *Danh từ riêng chỉ tên những tập sách quân sự thời cổ của Trung Quốc:* Lục thao, Tam lược [18, tr 100].

3.6. *Danh từ riêng chỉ tên một số quê trong Kinh Dịch:* (quê) Truân, Càn, Khôn, Bĩ, Thái [7, tr. 248 - 251]; [13, tr 292], [18, tr. 101 và tr. 109].

3.7. *Danh từ riêng chỉ tên một vị thần (theo thần thoại Trung Quốc):* Tắc (tức là Hậu Tắc - tên của thần Nông [18, tr. 78].

4. Nghệ thuật sử dụng danh từ riêng của Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo*

Để thuận tiện cho việc nghiên cứu nghệ thuật sử dụng danh từ riêng của Nguyễn Trãi khi viết *Bình Ngô đại cáo*, chúng tôi dựa theo cách chia đoạn bài cáo của Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San [18, tr. 93 - 110]. Như vậy, tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi gồm 7 đoạn văn liên kết chặt chẽ, được tác giả trình bày thành một chỉnh thể tác phẩm văn chính luận mạch lạc, thống nhất và đã phát huy cao độ sức biểu cảm của các phương tiện ngôn từ nghệ thuật (trong đó có danh từ riêng).

4.1. *Đoạn văn thứ nhất (từ ...Nhân nghĩa chỉ cử, yếu tại an dân... đến ...ác đảng hoài gian, cánh dĩ mãi ngã quốc)*

Đây là đoạn văn mở đầu bài cáo. Nguyễn Trãi đã kết hợp sử dụng quốc hiệu “Đại Việt” với các thuật ngữ chính trị - văn hóa - xã hội: *văn hiến, phong vực, phong tục, các đế, hào kiệt* để tuyên bố chủ quyền độc lập của quốc gia Đại Việt [11, tr. 47].

Tiếp theo, Nguyễn Trãi đã dùng những danh từ riêng chỉ tên các triều đại phong kiến tiêu biểu của Trung Quốc và Việt Nam thời trung đại dưới hình thức đối nhau trong hai vế của câu văn biện ngẫu; nhằm khẳng định sự tồn tại của quốc gia Đại Việt là một tất yếu lịch sử.

Trong đoạn văn này, Nguyễn Trãi đã dùng những nhân danh để chỉ tên gọi nhà vua, tên những viên bại tướng của bọn xâm lược phong kiến phương Bắc và dùng một số địa danh để chỉ những “thắng địa” của nước ta trong trường kì lịch sử chống ngoại xâm; nhằm thể hiện truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc. Điều ấy có ý nghĩa: ngay từ đầu bài cáo, cùng với mặt tích cực trong tư tưởng *nhân nghĩa* của Nho giáo (khía cạnh *thân dân*) đã được Nguyễn Trãi vận

dụng làm luận đề [18, tr. 94], thì tư tưởng yêu nước, truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta cũng được tác giả chú ý biểu hiện làm tiền đề lí luận và căn cứ thực tiễn để trình bày nội dung bài cáo.

Ngoài những nguyên nhân tư tưởng, trong đoạn văn mở đầu bài cáo Nguyễn Trãi còn nêu lên những nguyên nhân thực tế đã dẫn đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Và để nêu rõ đó là nguyên nhân chính, có tính thời sự, Nguyễn Trãi đã dùng danh từ riêng chỉ tên một số triều đại phong kiến có liên quan với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trong hai câu văn cuối đoạn (*Hồ, Minh*). Tuy nhiên, khác với việc dùng danh từ riêng chỉ tên những triều đại phong kiến của quốc gia Đại Việt với ý nghĩa tự hào, tự cường dân tộc ở câu văn trước đó, thì việc tác giả dùng danh từ riêng trong hai câu văn cuối đoạn lại có ý nghĩa hoặc để phê phán chính quyền nhà Hồ, hoặc để vạch trần dã tâm xâm lược của giặc Minh; khi tác giả liên kết ý nghĩa các danh từ riêng ấy với một số tính từ hàm nghĩa tiêu cực (*phiền, hà, cuồng, độc*).

4.2. *Đoạn văn thứ hai (từ ...Hân thương sinh ư ngược diệm... đến ... thiên địa chi sở bất dung)*

Nguyễn Trãi chỉ sử dụng hai địa danh (bắt nguồn từ một điển cố văn học Trung Quốc) bằng nghệ thuật ước lệ [18, tr. 98] để nói lên sự chồng chất vô hạn những tội ác “trời không dung, đất không tha” của giặc Minh đối với dân tộc Đại Việt; nhằm khép lại đoạn văn có nội dung tố cáo toàn diện, lên án mạnh mẽ, chỉ rõ kẻ thù là một bọn người hết sức dã man, độc ác, bất nhân bất nghĩa.

4.3. *Đoạn văn thứ ba (từ ...Dư phần tích Lam Sơn... đến ... Khôi Huyện chi chúng vô nhất lữ)*

Nguyễn Trãi đề cập ba địa danh nhằm diễn tả và nhấn mạnh từ những ngày đầu dựng cờ khởi nghĩa, vị thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn đã phải chấp nhận nhiều khó khăn,

nguy hiểm, dũng cảm vượt qua nhiều thử thách để tập hợp mọi tầng lớp dân chúng yêu nước thành một lực lượng chống lại bọn giặc Minh tàn bạo. Ở đoạn văn này, Nguyễn Trãi vừa viết tắt, vừa kết hợp tên gọi hai tập sách quân sự thời cổ của Trung Quốc (*lược thao*) nhằm ngợi ca phẩm chất của người thủ lĩnh nghĩa quân. Ngoài ra, để góp phần phản ánh những vất vả, thiếu thốn, những gian nan trắc trở ở thời kì đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Nguyễn Trãi còn sử dụng tên gọi một quẻ trong Kinh Dịch [quẻ *Truân*; gồm Khảm (trò nước) ở trên và Chấn (trò sấm) ở dưới] theo biện pháp chuyển hóa danh từ riêng thành một tính từ [18, tr. 101]. Điều đáng lưu ý ở đoạn văn là việc Nguyễn Trãi dùng những địa danh chỉ những địa điểm trên địa bàn Thanh Hóa; nhằm không những nêu rõ nơi “phát tích” của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, mà còn có ý nhấn mạnh mục đích ban đầu của cuộc khởi nghĩa này cũng giống như nhiều cuộc khởi nghĩa khác đương thời. Song, chính ở đoạn văn thứ ba của bài cáo, Nguyễn Trãi lại dùng rất nhiều điển cố văn học Trung Quốc có tính chất vừa mô tả, vừa ngầm so sánh; nên đã khắc họa rõ nét hình ảnh người thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn; mà từ trong suy nghĩ cho đến hành động bên ngoài ở con người này đều đã bộc lộ, tỏa sáng vẻ đẹp của một vị anh hùng giải phóng dân tộc trước yêu cầu thời đại và lịch sử [17, tr. 294].

4.4. *Đoạn văn thứ tư (từ ...Cái thiên dục khôn ngã dĩ giáng quyết nhiệm... đến ...Mã Anh cứu đầu nhi nô giả ích nô)*

Hình ảnh đội quân áo vải Lam Sơn đoàn kết nhất trí, lớn mạnh không ngừng, giương cao lá cờ “nhân nghĩa”, cứu nước cứu dân đã được Nguyễn Trãi phản ánh sinh động trong phần đầu của đoạn văn bằng nghệ thuật sử dụng điển cố văn học Trung Quốc. Tiếp đó, Nguyễn Trãi đã dùng hai địa danh (*Bồ Đằng, Trà Lân*) và bốn nhân danh (*Trần Trí, Sơn Thọ, Lý An, Phương Chính*) để đặc tả những

trận thắng mở đầu của nghĩa quân Lam Sơn có ý nghĩa thay đổi cục diện chiến trường giữa ta và địch.

Bằng bốn địa danh (*Tây Kinh, Đông Đô, Ninh Kiều, Tốt Động*) và bốn nhân danh (*Trần Hiệp, Lý Lượng, Vương Thông, Mã Anh*), Nguyễn Trãi diễn tả thời cơ, uy thế và sức mạnh của nghĩa quân Lam Sơn khi họ tiến quân ra vây hãm thành Đông Đô và tiêu diệt bọn viện binh giặc Minh. Với việc dùng những nhân danh, địa danh ấy, Nguyễn Trãi chỉ rõ cuộc khởi nghĩa Lam Sơn không dừng lại ở nhiệm vụ đấu tranh giải phóng giai cấp; mà đã tiến lên thực hiện cả nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc; và từ đây cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã thực sự trở thành một cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại của quân dân Đại Việt chống bọn giặc Minh xâm lược đầu thế kỉ XV.

4.5. *Đoạn văn thứ năm (từ ...Bỉ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong đến ...nhị thập bát nhật Thượng thư Lý Khánh kể cùng nhi văn thủ)*

Đoạn văn này được Nguyễn Trãi không những dùng nhiều địa danh, nhân danh; mà còn dùng cả danh từ riêng chỉ thời gian: *Đinh Mùi* (tức năm 1427 dương lịch) để phản ánh quá trình tiếp tục bao vây thành Đông Đô và tập trung tiêu diệt viện binh địch của nghĩa quân Lam Sơn. Bằng việc sử dụng danh từ riêng chỉ thời gian cụ thể, Nguyễn Trãi đã nêu rõ những bước chuyển biến, lớn mạnh vượt bậc của nghĩa quân Lam Sơn và có ý nhấn mạnh năm *Đinh Mùi* là năm đã diễn ra những trận đánh quyết định thắng - thua trên chiến trường giữa ta và địch. Trên tất cả những địa danh xuất hiện ở đoạn văn, có thể nói địa danh *Chi Lăng* được Nguyễn Trãi đề cập với tinh thần làm nổi bật trong tương quan so sánh với những địa danh khác. Bởi vì *Chi Lăng* là nơi đã diễn ra trận đánh tiêu diệt viện binh giặc Minh có ý nghĩa chiến lược

của nghĩa quân Lam Sơn; là nơi đã trở thành một “thắng địa” của đất nước Đại Việt.

Điều đặc biệt khi Nguyễn Trãi sử dụng rất nhiều nhân danh để viết đoạn văn rất đậm chất anh hùng ca của bài cáo là việc tác giả đã nhắc đến niên hiệu *Tuyên Đức* của hoàng đế nhà Minh (Trung Quốc). Đề cập đến danh từ riêng ấy với một thái độ coi thường, mỉa mai, phải chăng Nguyễn Trãi muốn nhấn mạnh: Giặc Minh; từ những âm mưu, mệnh lệnh của nhà vua ở bản quốc, cho đến hành động hùng hổ, ồ ạt của bọn tướng tá, binh lính kéo sang nước ta lần này không còn là để đàn áp nông dân khởi nghĩa như những lần trước, mà chính là một sự tiếp sức toàn diện, chi viện mạnh mẽ, với quyết tâm giải vây bằng được thành Đông Đô; thực hiện bằng được ý đồ bành trướng, bá quyền nước lớn của bọn chúng; thực hiện bằng được mục đích đen tối của bọn chúng là “tái đồ hộ” lâu dài nước ta? [20, tr 265].

Do đó, qua việc sử dụng các danh từ riêng trong đoạn văn, Nguyễn Trãi đã chứng minh hùng hồn quân ta chiến thắng giòn dẽ, quân địch thất bại nhục nhã; và thực tế chiến trường hoàn toàn có lợi cho quân ta, bất lợi cho quân địch. Không chỉ vậy, với việc dùng những danh từ riêng (để chỉ tên năm tháng cụ thể, để chỉ tên các trận đánh lớn của nghĩa quân Lam Sơn, để chỉ tên các chiến tướng của giặc Minh lần lượt bị tử trận) kết hợp với nghệ thuật sử dụng linh hoạt “nhịp điệu hùng văn” [20, tr 304], Nguyễn Trãi thực sự đã viết được đoạn văn đầy hào khí nhất bài cáo; nhằm không những biểu lộ quyết tâm đánh thắng giặc Minh xâm lược, mà còn để biểu dương những chiến thắng oanh liệt của quân dân Đại Việt.

4.6. *Đoạn văn thứ sáu (từ ...Ngã toại nghênh nhĩ nhi giải...” đến ...các thành cùng khẩu diệc tương giải giáp dĩ xuất hàng)*

Nếu ở đoạn văn thứ năm, Nguyễn Trãi tập trung diễn tả những trận đánh lớn của nghĩa

quân Lam Sơn đã bẻ gãy, đè bẹp hoàn toàn ý chí và lực lượng đạo quân cứu viện của giặc Minh do viên tướng Liễu Thăng cầm đầu, thì ở đoạn văn thứ sáu, Nguyễn Trãi lại tập trung diễn tả sự thất bại thảm hại của đạo quân cứu viện của giặc Minh do viên tướng Mộc Thạnh chỉ huy. Một loạt các địa danh được Nguyễn Trãi sử dụng để diễn tả những trận chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn tiếp tục bao vây, tiếp tục tiêu diệt địch vào cuối năm Đinh Mùi (1427). Một loạt các nhân danh được Nguyễn Trãi dùng để chỉ tên các tướng của giặc Minh tuy quyền cao chức trọng, nhưng hoặc đã đầu hàng, hoặc đã bỏ chạy thoát thân. Và để ngợi ca sức mạnh vô địch, khí thế quật khởi của lực lượng chính nghĩa (quân dân Đại Việt) trước thế bị bao vây, bị cô lập, bị thua đau của lực lượng phi nghĩa (giặc Minh), ngoài việc sử dụng nhiều nhân danh, địa danh, trong đoạn văn này Nguyễn Trãi còn sử dụng rất nhiều những hình ảnh hùng tráng, những biểu tượng kì vĩ để thể hiện không khí, màu sắc của chiến trận giữa ta và địch.

4.7. *Đoạn văn thứ bảy (từ ...Tặc thủ thành cầm, bĩ kí trạo tàn tốt khát liên chi vĩ... đến ...Hàm sử văn tri)*

Đây là đoạn văn kết thúc bài cáo. Nguyễn Trãi đã sử dụng nhân danh để nêu tên những viên hàng tướng của giặc Minh khi chiến tranh đã kết thúc, nhằm trước hết là để làm rõ chủ trương *toàn quân vi thượng*... [18, tr 109] hết sức đúng đắn của Bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn; đồng thời nhấn mạnh tinh thần nhân đạo, tư tưởng yêu hòa bình của dân tộc Đại Việt khi chấm dứt chiến tranh.

Với tên gọi một số quẻ trong Kinh Dịch (*Càn, Khôn, Bĩ, Thái*) được sử dụng trong đoạn văn bằng thủ pháp nghệ thuật hoặc ghép nối thành một danh từ chung (*càn khôn*), hoặc để đối sánh như những tính từ (*bĩ >< thái*); và cùng với một số biện pháp nghệ

thuật khác (dùng điển cổ văn học Trung Quốc, dùng câu văn dài - ngắn, dùng danh từ riêng chuyển hóa thành danh từ chung, v.v), Nguyễn Trãi đã viết đoạn văn tươi sáng nhất bài cáo nhằm tuyên bố sự nghiệp “bình Ngô” của quân dân Đại Việt đã hoàn thành tốt đẹp và báo hiệu tiền đồ xán lạn, tương lai huy hoàng, rạng rỡ của dân tộc.

5. Kết luận

5.1. Có thể nói, nghệ thuật sử dụng danh từ riêng để viết *Bình Ngô đại cáo* là một trong những thành công của Nguyễn Trãi trong quá trình sáng tác nên áng văn chính luận nổi tiếng có một không hai này. Ngoài nhân danh, địa danh là hai kiểu danh từ riêng được Nguyễn Trãi sử dụng nhiều để viết *Bình Ngô đại cáo*, tác giả còn chuyển hóa tính chất những từ vốn là danh từ riêng (tên sách cổ, tên vị thần, tên một số quẻ trong Kinh Dịch...) thành những danh từ chung, hay thành những tính từ để diễn đạt ý nghĩa câu văn trong *Bình Ngô đại cáo* thêm sâu sắc.

5.2. Điểm nổi bật nhất trong khi dùng danh từ riêng để viết *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi là việc tác giả sử dụng các nhân danh nhằm chỉ tên những viên tướng giặc Minh bị bại trận, sử dụng các địa danh nhằm nêu bật những trận thắng lớn của nghĩa quân Lam Sơn. Điều đó có ý nghĩa: viết *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi không chỉ chứng minh với mọi người rằng nghĩa quân Lam Sơn vì đã giương cao ngọn cờ “nhân nghĩa”; cứu nước cứu dân, cho nên đã chiến thắng vẻ vang bọn giặc Minh xâm lược bất nhân, bất nghĩa; mà còn làm sáng tỏ vẻ đẹp truyền thống của dân tộc Đại Việt vì chuộng nhân nghĩa nên rất nhân đạo và rất yêu hòa bình.

5.3. Nhờ kết hợp danh từ riêng một cách hài hòa, chính xác, điều luyện, tinh tế với các phương tiện ngôn từ nghệ thuật khác (thuật ngữ chính trị - văn hóa - xã hội, điển cổ văn

học, đại từ nhân xưng, danh từ chung, tính từ, hình ảnh, biểu tượng, câu văn biên ngẫu...v.v) để viết *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đã công phu, tài tình “tạc” vào lịch sử dân tộc một “bức tượng đài chiến thắng” bằng chất liệu chữ Hán. Nổi bật trên “bức tượng đài kì diệu” ấy là hình tượng Lê Lợi - vị anh hùng giải phóng dân tộc; hình tượng nghĩa quân Lam Sơn và dân tộc Đại Việt chiến đấu, chiến thắng bọn giặc Minh xâm lược, trong tư thế hiên ngang, hùng dũng, đứng trên đầu thù.

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2006), *Các triều đại Việt Nam*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
3. Hàn Thế Dũng (2002), *Lê Lợi*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Lê Giảng (2008), *Các triều đại Trung Hoa*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
5. Đỗ Đức Hùng (2001), *Biên niên sử Việt Nam*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
6. Đinh Gia Khánh (chủ biên), Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương (1998), *Văn học Việt Nam (thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII)*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Trần Đức Lâm, Trúc Chi (2009), *Văn hóa Trung Hoa trong các con số*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
8. Lê Xuân Lít (2007), *Hỏi & Đáp văn chương trong nhà trường*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Đăng Na (2007), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Đăng Na (chủ biên), Lã Nhâm Thìn, Đinh Thị Khang (2009), *Văn học trung đại Việt Nam* - tập 1. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Phan Ngọc (2000), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*. Nxb Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
12. Phạm Thế Ngũ (1996), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* - tập 1. Nxb Đồng Tháp.
13. Phan Hữu Nghệ (2003), *Phân tích văn bản một số tác phẩm Hán Nôm tiêu biểu*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
14. Bùi Văn Nguyên (Chủ biên), Nguyễn Sĩ Cẩn, Hoàng Ngọc Trì (1989), *Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Vũ Dương Quỹ, Lê Bảo (2002), *Tác phẩm văn chương trong trường phổ thông, những con đường khám phá* - tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Trần Đình Sử (tuyển chọn) (2001), *Giảng văn chọn lọc văn học Việt Nam (văn học dân gian và văn học cổ, cận đại)*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
17. Trần Đình Sử (1999), *Máy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Đặng Đức Siêu, Nguyễn Ngọc San (1995), *Ngữ văn Hán Nôm* - tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
19. Bùi Duy Tân (chủ biên), Nguyễn Hữu Sơn, Phạm Đức Duật, Nguyễn Đức Dũng (2004), *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam (thế kỉ X - XIX)* - tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Nhiều tác giả (2000), *Nguyễn Trãi về tác gia, tác phẩm*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt* - Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học. Hà Nội - Đà Nẵng.
22. Nguyễn Như Ý (1997), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-04-2011)